

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THUY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/HS-ST
Ngày: 25/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THUY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Tuyên và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo :

Họ và tên: **Nguyễn Văn Tr**, tên gọi khác: không, giới tính: Nam, sinh ngày: 09/4/1989; Nơi cư trú: thôn BX, xã TX, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, trình độ học vấn: 9/12, nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1959 và bà Mai Thị L, sinh năm 1962, đều cư trú tại thôn BX, xã TX, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Vợ: Hồ Thị Anh, sinh năm 1996, trú tại thôn BX, xã TX, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 01 con, sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 04/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

** Bị hại*

- Ông Nguyễn Khuông D, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn QLĐ, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình – Người đại diện theo ủy quyền là ông Tạ Duy H, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn QLĐ, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình – *Vắng mặt*

- Ông Hà Hiền Hòa, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn QLĐ, xã TH, huyện TT, tỉnh Thái Bình - Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Khuông Phú, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn QLĐ, xã TH, huyện TT, Thái Bình – *Vắng mặt*

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn VNX, xã TX, huyện TT, Thái Bình

- Ông Nguyễn Hải A, sinh năm 1975 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, thị trấn D Đ, TT, Thái Bình

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- Bà Đào Thị H, sinh năm 1970 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: tổ dân phố BT, thị trấn D Đ, TT, Thái Bình

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1972 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: tổ dân phố BT, thị trấn D Đ, TT, Thái Bình

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 – *Vắng mặt*

- Bà Lê Thị Ch, sinh năm 1969 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: tổ dân phố BT, thị trấn D Đ, Thái Thụy, Thái Bình

- Bà Hồ Thị A, sinh năm 1996 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn BX, xã TX, TT, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 28 đến ngày 31/3/2023, lợi dụng thời điểm buổi trưa và buổi tối, vắng người qua lại, chủ các tàu cá nghỉ về nhà, bị cáo Nguyễn Văn Tr đi đến cảng cá Tân Sơn, thuộc địa phận giáp danh giữa thôn QLĐ, xã TH và Tổ dân phố số 9, thị trấn D Đ để trộm cắp bình ắc quy trên tàu cá, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 28/3/2023, bị cáo đi đến cảng cá Tân Sơn rồi đi xuống tàu cá biển kiểm soát TB-91436-TS của chủ tàu là ông Hà Hiền H, phát hiện thấy bên trong tàu có 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, vỏ màu đen, loại 12V-200AHV bị cáo dùng tay tháo dây điện đấu nối ở các đầu cực của bình ắc quy, lấy 01 chiếc bình ắc quy chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Đào Thị H bán được 860.000 đồng. Sau đó bị cáo quay lại tàu cá lấy tiếp chiếc bình ắc quy còn lại chở đến bán cho bà H được 860.000 đồng. Trị giá mỗi bình ắc quy là 2.750.000 đồng/bình, hai bình là 5.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ ngày 28/3/2023, bị cáo đi đến cảng cá TS rồi xuống tàu cá biển kiểm soát TB-90061-TS của chủ tàu là ông Nguyễn Văn D. Phát hiện bên trong có 02 bình ắc quy nhãn hiệu TIA SÁNG, vỏ màu trắng, loại 12V-

200AH. Bị cáo đã dùng tay tháo dây điện, lấy 01 bình ắc quy chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Phạm Thị H bán được 860.000 đồng. Trị giá mỗi bình ắc quy theo định giá là 2.750.000 đồng.

Lần thứ 3: Khoảng 12 giờ ngày 29/3/2023, bị cáo đi đến cảng cá Tân Sơn rồi đi xuống tàu cá biển kiểm soát TB-91270-TS của chủ tàu là ông Nguyễn Hải Á. Phát hiện thấy bên trong tàu có 02 bình ắc quy nhãn hiệu DONG NAI, vỏ màu đen, loại 12V-210AH, trị giá 2.750.000 đồng/bình. Bị cáo dùng tay tháo dây điện, lấy 01 bình ắc quy chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của ông Nguyễn Văn T bán được 880.000 đồng. Trị giá bình ắc quy này theo định giá là 2.750.000 đồng.

Lần thứ 4: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 31/3/2023, bị cáo đi đến cảng cá Tân Sơn rồi đi xuống tàu cá biển kiểm soát TB-90082-TS của chủ tàu ông Nguyễn Khuông D. Phát hiện thấy bên trong tàu có 02 bình ắc quy (01 bình nhãn hiệu DONG NAI, vỏ màu đen, loại 12V-210AHV; 01 bình nhãn hiệu GS, vỏ màu đen, loại 12V-200AHV). Bị cáo dùng tay tháo dây điện đầu nối ở các đầu cực của bình ắc quy, lấy 01 chiếc bình ắc quy nhãn hiệu DONG NAI chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Lê Thị Ch bán được 860.000 đồng. Sau đó bị cáo quay lại tàu lấy tiếp chiếc bình ắc quy nhãn hiệu GS còn lại; khi đang đặt bình ắc quy này lên xe mô tô để đem đi bán thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng cửa khẩu Cảng Diêm Điền phát hiện yêu cầu bị cáo về trụ sở làm việc, Công an quản lý tài sản gồm 01 bình ắc quy, số tiền 860.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, biển kiểm soát 17M6-5944) của bị cáo. Trị giá mỗi bình ắc quy theo định giá là 2.750.000 đồng, hai bình là 5.500.000 đồng.

- Bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

+ Bình ắc quy nhãn hiệu “DONG NAI”, kích thước (51x27x21)cm, vỏ màu đen, loại 12V-210AH đơn giá 2.750.000đồng/bình, 02 bình trị giá 5.500.000 đồng

+ Bình ắc quy nhãn hiệu “GS”, kích thước (51x27x21)cm, vỏ màu đen, loại 12V-200AH đơn giá 2.750.000đồng/bình, 3 bình trị giá 8.250.000 đồng

+ Bình ắc quy nhãn hiệu “Tia sáng”, kích thước (51x27x21)cm, vỏ màu đen, loại 12V-210AH giá trị 2.750.000đồng/bình

Cáo trạng số 79/CT-VKSTT ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù, không đề nghị áp dụng hình

phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và những người bị hại gồm: Bồi thường cho ông Hà Hiền H 5.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn D 2.100.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Hải Á: 2.000.000 đồng; ông Nguyễn Khuông D đã nhận lại toàn bộ tài sản gồm 01 bình ắc quy GS và 01 bình ắc quy DONG NAI, cả 04 người bị hại đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác. Ý kiến về xử lý vật chứng: Số tiền 860.000 đồng bị cáo bán 01 bình ắc quy DONG NAI cho bà Lê Thị Ch cơ quan công an thu giữ và đã trả lại cho bà Lê Thị Ch, 01 bình ắc quy thu giữ của bà Lê Thị Ch đã trả lại cho bị hại là ông Nguyễn Khuông D theo thẩm quyền; 02 bình ắc quy bán cho bà Đào Thị H, 01 bình ắc quy bán cho bà Phạm Thị H, 01 bình ắc quy bán cho ông Nguyễn Văn T không thu hồi được đã được bị cáo bồi thường bằng giá trị. Trả lại 01 chiếc xe máy HONDA Wave S, biển kiểm soát 17M6-5944 cho vợ bị cáo là chị Hồ Thị A; ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Ông Hà Hiền H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Hải Á và Nguyễn Khuông D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra đã có lời khai về việc bị mất tài sản đúng như cáo trạng đã truy tố và đều xác định bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Chị Hồ Thị A là chủ sở hữu xe máy HONDA Wave S, biển kiểm soát 17M6-5944 khai xe này là tài sản riêng của chị, chị không biết bị cáo đã dùng xe này để đi trộm cắp tài sản, chị đề nghị xin lại chiếc xe này.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản đúng như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói cuối cùng: Bị cáo nhận tội xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu khó lao động để có thu nhập hợp pháp, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài cá nhân, gồm 02 bình ắc quy nhãn hiệu “DONGNAI” trị giá 5.500.000 đồng; 03 bình ắc quy nhãn hiệu “GS”, trị giá 8.250.000 đồng, 01 bình ắc quy nhãn hiệu “Tia sáng” trị giá 2.750.000 đồng, tổng cộng tài sản chiếm đoạt là 16.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng đơn trình báo và lời khai của người bị hại, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án nên có sơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng đã truy tố bị cáo với tội danh, điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là bảo vật quốc gia;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, thành khẩn khai báo và được những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thực hiện 04 hành vi trộm cắp tài sản, giá trị mỗi lần trộm cắp đều trên 2.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. Bị cáo có nhân thân tốt nên áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự xử phạt tù giam với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo

và không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo là đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho ông Hà Hiền H – người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Khuông Ph nhận 5.000.000 đồng, trả lại nguyên vẹn cho ông Nguyễn Khuông D 02 bình ắc quy; bồi thường cho ông Nguyễn Văn D giá trị 01 bình ắc quy 2.100.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Hải A giá trị 01 bình ắc quy 2.000.000 đồng những người bị hại đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác. Xét thấy việc tự nguyện thoản thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện phù hợp với các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự nên ghi nhận. Trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

[6]. Về xử lý vật chứng:

[6.1] 06 bình ắc quy bị cáo Nguyễn Văn Tr đã trộm cắp gồm: 02 bình ắc quy của ông Nguyễn Khuông D cơ quan công an thu giữ nhưng đã trả lại cho ông Nguyễn Khuông D theo thẩm quyền là đúng pháp luật; 01 bình ắc quy là tài sản trộm cắp ông Nguyễn Văn D bị cáo bán cho bà Phạm Thị H, 02 bình ắc quy bị cáo trộm cắp của ông Hà Hiền H bán cho bà Đào Thị H; 01 bình ắc quy bị cáo trộm cắp của ông Nguyễn Hải A bán cho ông Nguyễn Văn T đều không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý đối với các vật chứng này.

[6.2] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, sơn màu Đỏ - Đen - Xám, biển kiểm soát 17M6-5944, bị cáo lấy của chị Hồ Thị A (là vợ bị cáo) để đi đến cảng cá Tân Sơn trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này là tài sản riêng của chị Hồ Thị A. Chị Hồ Thị A không biết bị cáo dùng chiếc xe này để đi trộm cắp tài sản, chị Hồ Thị A đề nghị xin lại chiếc xe này nên áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chị Hồ Thị A là phù hợp.

[7]. Các vấn đề khác của vụ án:

[7.1] Những người mua lại tài sản trộm cắp của bị cáo gồm chị Phạm Thị H mua 01 bình ắc quy nhãn hiệu Tia Sáng, chị Đào Thị H mua 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS; ông Nguyễn Văn T mua 01 bình ắc quy nhãn hiệu DONG NAI đều không biết tài sản bị cáo mang bán là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý đối với bà Đào Thị H, bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T là đúng pháp luật

[7.2] Số tiền 860.000 đồng, là tiền bị cáo bán 01 bình ắc quy cho bà Lê Thị Ch mà có. Do đã quản lý bình ắc quy của bà Lê Thị Ch nên Cơ quan điều tra trả lại số tiền này cho bà Lê Thị Ch theo thẩm quyền là đúng quy định;

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật; do bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại trước khi xét xử nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 173; Điều 38; Điều 48; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự ; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản.”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr 01 (Một) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo Nguyễn Văn Tr và những người bị hại, cụ thể như sau: Bị cáo bồi thường giá trị 02 bình ắc quy cho ông Hà Hiền H – người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Khuông Ph nhận 5.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn D giá trị 01 bình ắc quy 2.100.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Hải A giá trị 01 bình ắc quy 2.000.000 đồng; trả lại nguyên vẹn cho ông Nguyễn Khuông D 02 bình ắc quy. Những người bị hại đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

4. Xử lý vật chứng: Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, sơn màu Đỏ - Đen - Xám, biển kiểm soát 17M6-5944 cho chị Hồ Thị A. Tài sản có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng – tài sản giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy (ngày 19/6/2023).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi gửi:

- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện TT;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Lan